

# Về một lời thề hứa từ 38 năm qua

Xtanker20

*Kính gửi chị Đường, phu nhân cố Trung tá Võ-Vàng.*

Tôi không còn nhớ mình đã từng kéo bàn phím chiếc computer ra bao nhiêu lần nữa, không phải để ‘check’ những ‘mail’ của bạn bè xa gần gửi đến hay tìm kiếm vài thông tin cần thiết hầu bổ sung cho cái ‘nghề tay trái’ đã nuôi sống bản thân và gia đình trong mấy chục năm qua, mà như muốn viết lên một điều gì đó, một sự kiện gì đó đã xảy ra trong những đoạn đường đời mình đã đi qua. Nhưng rồi, cứ mỗi lần nhìn đăm đăm vào chiếc màn hình trắng xóa thì đầu óc lại không nhớ ra được mình phải gõ lên đó những gì dù vẫn có cảm giác như có ai đó đã và đang hỏi thúc tôi ghi lại những gì đã chìm sâu dần trong ký ức qua bao năm tháng dài tôi vừa phải vật lộn với cuộc sống hằng ngày, vừa phải lạng lách tránh những rình rập vô hình mãi đeo đẳng tôi cho đến bây giờ...

Rồi bỗng dưng, như một cơn mưa bất chợt giữa ngày hè nóng bức, trong cuộc gọi chuyện trò bình thường gần đây nhất với một người vừa là bạn, vừa là đàn anh trong quân ngũ, ở xa, không biết có phải từ những ký ức anh ấy đang cùng với một người bạn gọi lại về quãng đời lao tù trong những nơi Cộng Sản gọi là Trại Tù Cải Tạo mà thực chất

là Trại Tù Khô Sai dành cho những Sĩ Quan của chế độ cũ, anh đột nhiên nhắc đến tên của ‘một người’. Lời nhắc này giống như tiếng gõ rất mạnh khiến ký ức tôi mở toang cánh cửa đã vô tình đóng kín một lời hứa sau lời xin lỗi với ‘người ấy’ từ hơn 38 năm qua. Và tôi chợt liên tưởng đến những lần muốn kể lại điều gì đó từ lâu đang cứ lảng vảng trong tiềm thức khiến tôi mãi ray rứt, canh cánh trong lòng....

Lời xin lỗi kèm theo lời hứa với ‘người ấy’ đã chỉ được nói lên trong thăm lặng trong khi tôi và anh Chí (*Nhà trưởng thuộc Khối 1 của Trại Tù Kỳ Sơn vào khoảng giữa năm 1977*) được lệnh trực tiếp từ tên quân giáo Nhà phải tường trình vụ ‘người ấy’ bị bắn chết, hoàn toàn trái ngược với sự thật, ngược lại với những gì chúng tôi đã nghe bằng chính tai và chứng kiến bằng chính đôi mắt của mình.

Từ trại tạm giam tại Điện Bàn, Quảng Nam vào thượng tuần tháng 4/1975, sau khoảng gần 2 tháng và cũng sau khi Sài Gòn thất thủ, chúng tôi bị chuyển lên Trại Kỳ Sơn, Bồng Miêu (*Tam Kỳ, Quảng Tín*). Từ lúc xe lăn bánh, chúng tôi (*số Sĩ quan cấp tá*) định ninh sẽ bị đưa ra các trại giam ngoài Bắc (*theo tin đồn*). Nhưng khi ra đến Quốc Lộ 1 thì đoàn xe quẹo trái hướng về nam khiến chúng tôi không thể nào đoán được mình sẽ bị đưa đến đâu. Dọc đường, tôi chỉ biết theo dõi những điểm đoàn xe đã đi ngang qua và nhớ lại rất rõ từng địa danh, vì là vùng trước kia đơn vị tôi đã từng vượt qua trong những lần hành quân (*từ cuối 1969 đến giữa 1971*).

Đoàn xe đến Tam Kỳ thì quẹo phải về hướng núi và tiếp tục trên con đường đất rộng khoảng 6-7 mét, lạ hoắc với tôi. Lúc này tôi chỉ còn theo dõi cảnh vật gần xa dọc 2 bên đường mà thôi.

Khoảng hơn 50 phút sau, (*hồi đó, hầu hết* tù binh chúng tôi đều còn mang đồng hồ, vì tại trại Điện Bàn hằng ngày chỉ nghe giảng thuyết về tư tưởng *Cộng Sản chứ không bị*

*buộc lao động*) đoàn xe chở chúng tôi dừng lại trước một khu trại đã có sẵn mấy chục căn nhà lợp tranh và chúng tôi được lệnh xuống xe vào trại.

Chúng tôi bị chia thành từng toán, mỗi toán gồm 25 người, không phải theo danh sách đã có sẵn mà do ngẫu nhiên, tức là tự động sắp thành từng hàng dọc và ai muốn bước vào hàng nào thì cứ việc, miễn sao đủ 25 người là được. Sau đó, một người trong mỗi toán mới ghi tên họ những người trong toán, làm thành từng danh sách. Và mỗi toán sẽ ở trong cùng một căn nhà; mỗi 4 Nhà (*ngoài Bắc gọi là Buồng*) thì thành một Khối. Và Trại chúng tôi có tên là Trại 1. Sau đó mới biết Tổng Trại Tù Kỳ Sơn gồm cả Trại 2, 3 và 4 nằm quanh quần cách Trại 1 chừng 3 hay 4 km do Bộ đội quản lý. Ngoài ra còn có một trạm xá nằm đối diện hơi chênh về phía phải với Trại 3 nhưng ở phía bên kia con lộ chính, sâu vào khoảng 30 mét.

Nhà chúng tôi thuộc Khối 1 gồm hầu hết là Tr/tá và Th/tá, chỉ có 4 hay 5 Đại úy. Tôi chỉ còn nhớ một số do thường chuyện trò, cùng toán đi lao động hay ngủ cạnh nhau trên một dãy sạp bằng tre:

-cấp Tr/tá có Ngô-Hoàng (*SD2BB, người Huế*), Ng-văn-Tổ (*từng là Tỉnh trưởng Phú Yên, người Huế*), Ng-văn-Thành (*Liên đoàn trưởng Địa phương quân, người Huế*), Võ-Vàng (*gốc Biệt Động quân, người Quảng –gọi chung cho Quảng Nam và Quảng Ngãi*), Thuật-Xáng (*CTCT/QĐ 1, người Quảng*), Cẩn (*P.Binh, người Quảng-Trị*), Liên (*K.Quân, người Nam*), Chí (*Truyền tin, người Bắc*), v.v...;

-cấp Th/tá có Khoa (*P.Binh, người Huế*), Bảo (*P.Binh, người Bắc*), Cảnh (*B.Binh SD 2, người Huế*), Cúc (*Ban 2 Tiểu khu Q.Nam, người Quảng*), Hiền (*C.Sát, người Huế*), tôi (*Kỵ Binh, người Huế*), v.v...;

-và cấp Đ/u có Chí, Hóa (*C.Binh, người Huế*), Ninh (*Ban 2 C.Khu Q.Tín, người Quảng*), v.v...

Mỗi Nhà bầu một Nhà trưởng, và chúng tôi đã bầu anh

Chí (để phân biệt với anh Chí cấp Tr/tá, chúng tôi thường gọi anh là Chí ‘nhỏ’). Mỗi Nhà do 1 Quản giáo trách nhiệm. (theo như tôi để ý, hầu hết Quản giáo đều là người Quảng). Riêng về Khôi thì anh Ngô-Hoàng (do Cán bộ chỉ định) làm Khôi trưởng Khôi 1. Từ đó chúng tôi dần dần làm quen với nhau và cũng từ nơi này chúng tôi bắt đầu ném mùi vị của tù lao động khổ sai.

Hàng tháng, chúng tôi phải học tập Chính trị, thường thì theo từng toán gồm  $\frac{1}{2}$  Nhà (khoảng 12 hay 13 người), do Quản giáo hướng dẫn. Có lúc  $\frac{1}{2}$  nhà học chính trị và  $\frac{1}{2}$  Nhà còn lại đi lao động. Và mỗi 2 hay 3 tháng thì toàn Trại học tại Hội trường do 1 tên chính trị viên từ cấp cao hơn đến phụ trách.

Khoảng hơn 3 tháng sau, gia đình, thân nhân được phép đến thăm tù nhân theo định kỳ mỗi tháng 1 lần tại một căn nhà tranh lón và tương đối rộng, dựng trên một ngọn đồi thấp, chung quanh là những bụi cây nhỏ cao khoảng hơn 1 mét, ngay ngã ba của đường vào trại 1, 2 và 3 (Trại 3 nằm trên cùng một con lộ với Trại 1), cách Trại 1 chúng tôi khoảng 3 km, gọi là Trại Tiếp tân.

Cũng nhờ vào những lần thăm viếng này mà chúng tôi được cung cấp thông tin về tình hình bên ngoài của một số địa phương kèm theo một ít thức ăn, nhất là đường (loại bánh đường đen hay những miếng đường màu vàng, thứ mà chúng tôi thèm, nhất là trong thời gian lao động nặng).

Khoảng hơn 1 năm sau, sự kiện đầu tiên đã xảy ra, không phải tại các Trại tù mà ngay tại Trạm xá của Tổng trại:

Bác-sĩ Phạm-văn-Lương (nghe nói trước năm 1975 đã từng cầm lựu đạn đến tại cửa tòa nhà Quốc Hội để chống đối Chính Phủ) đã tự vẫn bằng thuốc chống sốt rét ‘chloroquine’.

Sau này một vài người trong nhà chúng tôi được vài tù nhân phục vụ tại Trạm xá kể lại về cái chết vật vã bằng loại thuốc này thật khủng khiếp: trước khi chết, anh đã điên cuồng búng người từ sạp này đến sạp khác, quần quai rồi co

quắp một hồi mới tắt thở. Họ cho biết thêm là khoảng một tháng trước đó, sau lần gần nhất được vợ con đến thăm, anh Lương đã tỏ vẻ buồn bực, ít nói hơn. Điều suy đoán tương đối hợp lý cho lý do này là từ những thông tin do gia đình những tù nhân quen biết và sống gần gia đình anh Lương đã cho biết sự thật rất phũ phàng: vợ anh phải đi bán dạo quanh chợ Cồn (Đà Nẵng) để nuôi con. Rồi những lời bàn tán của tù nhân đã đến tai anh. Và thế là ‘Xã hội lý tưởng’ trong anh rách nát, ‘Thiên đường Cộng Sản’ trong anh vỡ vụn. Vì không chịu được cú sốc này, anh đã tự kết liễu đời mình.

Sự kiện thứ 2 đến từ những buổi học chính trị, nói đúng hơn là những lần phải kể lại lý lịch và cái được mô tả là ‘tội ác’ của tù nhân đối với ‘nhân dân’ và ‘cách mạng’. Mỗi lần học, chúng tôi phải khai lại lý lịch, không phải viết trên giấy mà phải tự phát biểu. *(nhờ vậy mà về sau, chúng tôi biết anh Ngô-Hoàng có thân nhân tập kết đã vào Nam với chức vụ cao; anh Võ-Vàng có người anh là Trung tá Bộ đội và anh Cúc có cha là Đại tá Bộ đội. Tất cả những thông tin bổ sung này có lẽ là do gia đình họ đã cung cấp trong những lần ‘thăm nuôi’).*

Riêng về mục kể ‘tội ác’ thì chúng tôi, nhất là những người đã ở trong đơn vị tác chiến, phải nhớ thêm và nói cụ thể hơn số lượng Việt Cộng *(du kích, đơn vị địa phương hay bộ đội chính quy)* đã bị chúng tôi giết trong những lần hành quân nào, tại những nơi nào, vào những thời điểm nào. Dĩ nhiên, chúng tôi vẫn nhớ chính xác một số yếu tố, còn về số lượng thì phải khôn ngoan nói càng ít càng tốt để tội được nhẹ hơn. Riêng về anh Vàng, khi anh phát biểu, ngoài tên Quân giáo của Nhà chúng tôi còn có tên Quân giáo của Nhà bên cạnh *(cũng là người Quảng)* cũng bước qua tham gia. Giọng điệu tên này thì ghê gớm và chứa nhiều hận thù hơn.

Qua những lần đó, tôi mới biết thêm thông tin cá nhân của anh Vàng *(khóa 17 VBQĐ)*, trong đó những chiến công của anh hồi còn làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 21

thuộc Liên đoàn 1 Biệt Động Quân và sau đó là Trung đoàn trưởng Tr/Đoàn 4 hay 5 gì đó thuộc Sư Đoàn 2 BB đã rất vang lừng. (Tôi thì nhập ngũ sau anh mấy năm và chỉ hành quân ở vùng bắc đèo Hải Vân đến Bến Hải. Và thời gian đơn vị tôi nằm ở Đà Nẵng đã hành quân chung với Liên đoàn 1 BĐQ tại vùng Thăng Bình, Quế Sơn và Bình Giang, Bình Dương năm 1970 thì tôi không gặp được anh mà chỉ gặp anh Khang –Tiểu Đoàn 39 BĐQ, anh Thiệt và anh Thường- T/Đoàn 21 và 37 và Tr/tá Hiệp là Liên Đoàn trưởng). Do đó, mũi dùi của đám Quân giáo này nhắm vào anh nhiều nhất (có lẽ do vùng hành quân của đơn vị anh thuộc Quảng Nam và Quảng Ngãi).

Vào khoảng gần giữa năm 1977, trong buổi học chính trị cho toàn trại tại Hội trường, tên chính trị viên (người Quảng), không biết từ cấp cao nào đến phụ trách, bô lô ba la gần cả giờ về đường lối chính sách của Đảng, tương lai đất nước, v.v...Rồi đến mục khuyến tù nhân thành thật khai báo về ‘nợ máu’ chúng tôi đã gây ra. Nó đã chuyển cụm từ ‘tội ác’ thành ‘nợ máu’, nghe càng rùng rợn hơn. Tôi tự hỏi: ‘Nhu vậy, nợ máu thì phải trả bằng máu sao?’

Sự kiện thứ 3 đã xảy sau buổi học chính trị toàn trại chỉ khoảng 2 tuần.

Hôm đó là ngày Chúa Nhật và cũng là ngày gia đình tù lên thăm nuôi. Khoảng 8 giờ sáng, Nhà chúng tôi có anh Vàng được tên vệ binh Bốn đến gọi ra sắp hàng tại cổng trại cùng với số anh em tù từ các Nhà và Khối khác để nó dẫn ra Trại tiếp tân. Toán thăm nuôi đầu tiên thường được gọi là Toán 1. Khoảng 30 phút sau, tôi cũng được gọi tên ra sắp vào một toán khác gọi là Toán 2 và được một tên vệ binh người Bắc dẫn đi. Khi toán chúng tôi ra đến Trại Tiếp tân thì mạnh ai nấy kiếm chỗ riêng để cùng gia đình trò chuyện, một số ngồi trong trại, một số chọn những bụi cây quanh đó ngay phía bên ngoài trại cách khoảng 10 mét. Thời gian thăm nuôi chỉ được kéo dài 1 giờ theo qui định. Và hôm

nay thì tên Quản giáo phụ trách Trại Tiếp tân là người Bắc, không biết thuộc Khố nào.

Chỉ khoảng gần 15 phút sau, tôi nghe tiếng tên Bốn gọi tập hợp Toán 1 để nó dẫn về. Và khoảng 3 phút sau, tôi lại nghe tiếng quát tháo khiến anh em đang ngồi quanh đó đều đứng lên, còn tôi thì bước nhanh đến đó, thấy khoảng 8 người đang đứng sắp hàng chờ điểm danh và kiểm tra những thứ gia đình họ mang lên thăm nuôi, riêng anh Vàng thì đang đứng đối mặt với tên Bốn, nói:

- “Tôi đã xin phép anh Quản giáo được thăm nuôi thêm một xuất nữa.”

Tên Bốn quát:

- “Anh không chịu vào sắp hàng thì tôi bắn đây!”

Nói xong nó cầm súng, lên đạn rắc rắc và chỉ thẳng vào anh Vàng. Anh em quanh đó, ngay cả tôi, đều nghĩ rằng anh Vàng sẽ phải nhịn nhục và đứng vào hàng. Không ngờ anh dùng 2 tay banh ngực áo và nói lớn:

- “Muốn bắn thì bắn đi!”

Cũng may tên Quản giáo người Bắc đến vừa kịp, nói ngay:

- “Anh Vàng đã xin phép tôi thăm nuôi thêm một xuất. Và anh ấy sẽ về theo Toán 2”.

Tên Bốn hạ súng xuống một cách miễn cưỡng, đôi mắt nó vẫn đỏ ngầu trên nét mặt đầy hậm hực, khoác tay ra lệnh cho Toán 1 bắt đầu đi về, không nhớ đến việc điểm danh và kiểm tra mấy chiếc bị của tù. (*Thật ra thì chỉ là toán ít người, còn việc kiểm tra thì có thể thực hiện sau khi toán vào cổng trại.*)

Cũng chính từ sự kiện này, tôi để ý đến tên Bốn nhiều hơn, vì chưa từng nghĩ rằng một tên Việt Cộng (*không biết là du kích hay bộ đội chính quy vì màu sắc áo quần của nó là màu xám mà áo quần bộ đội là màu olive*) mặt mày còn non choẹt, tuổi đời tối đa khoảng 22-23, nhỏ con, mà lại ‘khát máu’ như vậy. Và cũng chính từ đây, tôi thán phục



anh Vàng nhiều hơn. Thán phục vì anh đã làm được điều mà tôi, hay đúng hơn là chúng tôi, không thể làm được, dù cho hành động của anh có xuất phát từ lòng tự ái hay sự bộc phát nào đó thì cũng vẫn thể hiện sự bất khuất của một Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trước kẻ thù trong hoàn cảnh cá chậu chim lồng này.

Thú thật thì trước đó tôi đã có phần ngưỡng mộ anh về những chiến công anh đã kể lại trong những buổi học chính trị nên tìm cách trò chuyện với anh nhiều hơn, dù biết anh rất ít nói. *(người tôi thân nhất trong Nhà là anh Tổ và vì anh lớn tuổi hơn nhiều nên tôi thường gọi anh là ‘Bố’)*. Có lẽ anh cũng hơi thích tôi do tôi là người hay kể chuyện vui, bông đùa và cười lớn tiếng thoải mái nhất trong Nhà. Nhờ vậy mà tôi biết được vợ anh tên Đường, là giáo viên trước 1975.

Thế rồi, sau khoảng hơn 1 tháng, lúc này trong năm, thời tiết vào khoảng cuối mùa hè nên không quá nóng như tại những vùng Huế, Quảng Trị và Đông Hà, một phần là do các trại tù đều nằm trong vùng núi, vào một buổi sáng, sau khi anh Chí ‘nhỏ’ *(Nhà trưởng)* đi họp nhận công tác cho Nhà về, vác theo một bao bố chứa những con ‘dao tông’ và ‘rựa’ và cho biết hôm nay cả Nhà sẽ lao động tập thể, phát quang tại vùng Cò Bay (đường lên Mỏ vàng Bồng Miêu). Chúng tôi ăn sáng với chế độ ít hơn 1/3 với bữa ăn trưa, rồi lần lượt bới theo cơm trưa chứa trong ‘loong Gô’ *(loại bằng nhôm đựng sữa bột Guigoz của Hà lan dành cho trẻ sơ sinh đến 2 tuổi, khuấy tan với nước nóng để bú bằng bình hay bằng ly, tách)*, một số thì dùng ‘gà men’ của Quân đội được thân nhân mang lên trong những lần thăm viếng tại ‘Trại Tiếp tân’. Rồi lần lượt xuống ‘Nhà bếp’ lấy nước sôi đổ vào bidon’ *(bình nhựa chứa nước của Quân đội)*. Những người trẻ như tôi, anh Vàng, anh Thành, Chi, Hóa, Ninh, Cảnh thì nhận ‘dao tông’ *(loại dao dài gần 5 tấc với cán dính liền bằng sắt dùng để chặt những cây nhỏ bằng bắp tay)*, người lớn tuổi thì nhận ‘rựa’ *(loại dao dài chừng 7 tấc gồm luôn*



*cán bằng gỗ dài khoảng 3 tấc, đầu rựa có mấu cong xuống, dùng để chặt tre, phát quang lau sậy, vót lạt, chẻ mây, và nhiều công dụng khác nữa); rồi lần lượt mài dụng cụ trên 2 tảng đá nhỏ đặt sau Nhà (chúng tôi vác chúng lên từ suối để tiết kiệm thời gian phải xuống suối mài trước khi đi lao động). Tiếp đến, chúng tôi được chia thành 2 toán, mỗi toán có 12 người.(riêng anh Cúc thì thuộc thành phần không lao động ngoài trại được do gót chân đã bị thương trước khi vào Trại nên thường ở nhà trực phòng, - một vài người trong Nhà của chúng tôi nghi ngờ anh làm ‘antenne’ vì chính bản thân tôi đã bị 2 lần viết ‘Kiểm điểm’ do có người báo cáo tôi phát ngôn bừa bãi trong những lúc chuyện trò với anh em ngay tại Nhà. Ví dụ như tôi đã đổi câu châm ngôn của họ: ‘Cho không lấy, thấy không xin’ thành ‘Không cho cũng lấy, không thấy cũng xin!!’...).*

Đa số người trong Toán 1 chúng tôi có cấp bậc Th/tá và Tr/tá trong đó có anh Võ Vàng, cấp Đ/u chỉ có anh Chí và Hóa. Hành trang lao động là chiếc bị vải tự tạo có quai mang vai (có người được thân nhân gửi lên bao đeo mặt nạ ngừa hơi độc của Quân đội), chứa bình nước, bữa ăn trưa, võng nylon hay vải và tấm nylon dùng làm áo mưa.

Đúng 07:30, Nhà chúng tôi bắt đầu di chuyển theo hàng dọc ra công trước của Trại, ngay con lộ lên Bồng Miêu, (cổng sau dẫn thẳng ra con suối cạn, rộng khoảng 40 mét, chảy ngoằn ngoèo theo dãy núi phía đối diện, chỉ dùng cho những lúc đi lao động nặng, riêng lẻ hoặc toán ít người và là nơi tắm rửa, giặt giũ), quẹo phải lên hướng vùng Cò Bay theo con lộ đất rộng khoảng 4-5 mét. Dẫn đầu là tên vệ binh Bốn (người Quảng) và sau cùng là một vệ binh (người Bắc, tôi không nhớ tên). Cả hai đều mang AK-47. (Thường thì khi tù binh đi lao động ngoài trại với những toán trên 5 người đều có vệ binh đi theo, khi thì 1 người, khi thì 2 người).

Thời tiết hôm đó vào buổi sáng vẫn còn mát mẻ dù mặt trời đã lên khá cao nhưng bị dãy đồi cao phía đông che khuất.

Trong khoảng hơn 2 năm, chúng tôi đã từng đi trên con lộ này không dưới 20 lần nên cảnh vật chung quanh chẳng còn gì xa lạ nữa, ngoại trừ đám lau sậy và cây nhỏ dọc mé trái lộ đã được phát quang ngày càng xa dần lên hướng Cò Bay.

Chúng tôi đi khoảng hơn 3 km, đến hết ranh đám lau sậy đã được phát quang, thì tên vệ binh Bốn hô lớn bảo dừng lại và kêu anh Chí lên ra lệnh gì đó. Mấy phút sau thì nghe Chí bảo toán 2 tạt về mé trái con lộ và chỉ định anh Ninh làm trưởng toán với nhiệm vụ phải phát quang dọc bên trái lộ lên hướng Cò Bay. Từ điểm này lên hướng tây nam thì vẫn còn đầy lau sậy cao hơn đầu người hơn 1 mét.

Toán 1 của chúng tôi cứ tiếp tục đi xa hơn khoảng hơn 300 mét thì được lệnh dừng lại và nhận nhiệm vụ phát quang phía bên trái con lộ, sâu vào khoảng 40 mét rồi chuyển hướng dọc theo con lộ lên hướng núi có Mỏ Vàng. Ra lệnh xong, tên vệ binh Bốn và tên vệ binh người Bắc tiếp tục đi thẳng về phía trước. Theo kinh nghiệm từ những lần đi lao động và những khi được giao nhiệm vụ đi theo phát quang cho toán địa chất lên các lộ của Mỏ Vàng Bồng Miêu, *(thường thì 2 tù binh đi theo để phát cây dọn đường cho toán địa chất gồm 3 hay 4 kỹ sư có mang súng ngắn)* tôi đoán khoảng 80 mét nữa là đến chiếc cầu xi măng nhỏ, rộng khoảng 2 mét, dài khoảng 8 mét bắc qua con suối thường hầu như cạn nước vào mùa hè, vì phía trước khoảng 30 mét đã hiện ra khúc quanh queo chênh về trái. Phía bên bờ nam của suối cũng đầy lau sậy dày đặc chạy dài khoảng 300 mét thì đến vùng trống trải có những căn nhà gạch đã rêu phong, tóc mái, đổ nát trên 60%, cạnh một nhánh suối nhỏ vẫn còn những bụi trúc vàng rất đẹp hai bên bờ. Đặc biệt nơi này còn sót lại vài đoạn đường ray rộng khoảng 8 tấc và dài khoảng 20-30 mét. Nghe đám địa chất nói thì đây là những di tích hồi Pháp khai thác mỏ vàng.

Chúng tôi kiếm những cây nhỏ sát con lộ, chặt nhánh nhỏ, chừa một đoạn ngắn chĩa ra để treo những chiếc bị và

bắt đầu dàn hàng ngang phát trông lau sậy sâu vào chân dãy đồi khoảng 40 mét rồi đổi hướng phát dọc theo con lộ.

Dù có được khoảng 10 phút để uống nước và giải lao sau khoảng 1 giờ lao động (*nhờ anh Chí 'lớn' và anh Tố vẫn luôn mang theo đồng hồ đeo tay trong túi quần. Còn phần lớn thì đã gửi về cho vợ bán lấy tiền nuôi con*), chúng tôi cũng cố làm sao để phát quang một diện tích đáng kể trong ngày, nếu không thì mấy tên vệ binh sẽ báo cáo là lao động không tích cực và bị làm kiểm điểm. Mặt trời lên cao dần, giáng xuống đầu và lưng chúng tôi những luồng nóng rát hùng hực khiến mồ hôi liên tục bùng ra đầm ướt cả áo và mặt như đang đi trong mưa. Cho đến khi mặt trời gần đứng bóng, chúng tôi nghỉ khoảng 1 giờ để ăn bữa trưa chứa trong bị mang theo. Mỗi tụi 2 hoặc 3 người cố tìm một bóng cây nào quanh đó để tránh nắng nhưng quả thật rất khó. Chỉ còn cách chui đại vào những lùm sậy rồi dùng rựa phạt đứt sậy cao ngang đầu người và dùng chiếc võng mang theo căng phủ lên phía trên tạo bóng dim bên dưới và mở lon cơm chừng 1 chén với 'mắm cá' và ngấu nghiến, mơ màng tưởng tượng một bữa ăn thịnh soạn để đánh lừa bao tử. Ăn xong thì xé giấy báo vắn một điều thuốc 'rê', dựa lưng vào bụi sậy, vừa phì phà vừa trao đổi vài nhận xét bằng qơ cho có chuyện mà thôi.

Khoảng 1 giờ chiều, chúng tôi tiếp tục gò mình vào công việc còn dang dở. Đến khoảng 2 giờ, chúng tôi mới nghỉ giải lao được khoảng 5 phút thì tên vệ binh Bốn và tên vệ binh người Bắc từ hướng Bồng Miêu đi về. Tên Bốn bèn nói lớn:

–“Anh Chí cho tôi 1 người lên phía trước để chặt những cây lau về bó làm chổi quét”.

Nghe tiếng nói, chúng tôi ngừng tay và nhìn Chí. Dĩ nhiên, nếu chặt lau sậy thì phải dùng rựa, vì khi chặt được một số lau thì dùng máu rựa kéo về đằng sau. Tôi thấy Chí chỉ vào anh Xáng đang cầm cây rựa cạnh anh và nói:



tôi (đang đứng trong hàng ngang cách xa anh 2 người về phía bên phải, gần con lộ):

-“Anh X... bỏ dao xuống và theo tôi”.

Vẫn là điều bình thường..., rất bình thường!! Tôi và Chí bước nhanh để theo kịp tên vệ binh Bốn. Đứng là chỉ khoảng 70 mét, chúng tôi đã thấy chiếc cầu xi măng bắc qua con suối và tên vệ binh người Bắc đang đứng trên cầu. Chúng tôi đến cách cầu chừng 6-7 mét (*tại điểm này thì mé trái con lộ đã vừa mới được phát quang sâu khoảng hơn 1 mét, còn sót lại một cây cao, nhỏ và thẳng, trên cành thấp nhất còn lủng lẳng chiếc bị của anh Vàng*) thì tên Bốn chỉ tay xuống suối, phía bên trái cầu và nói:

-“Hai anh xuống dưới đó đi!”.

Chúng tôi cũng vẫn định ninh một con nai đã bị bắn hạ ngay dưới suối nên vội tạt trái, vừa bước vừa nhìn xuống chân, thận trọng để khỏi dẫm phải những gốc sậy bén. Đến được bờ suối thì cảnh tượng trước mắt hiện ra giống như một chiếc búa tạ, đập tan vụn những ý nghĩ lạc quan đang nhảy múa trong đầu óc chúng tôi rồi nhét thay thế vào đó sự sợ hãi, thảng thốt: cách chúng tôi khoảng 3 mét, không phải là xác con nai mà là anh Vàng đang nằm sấp, mặt úp xuống bờ cát của lòng suối còn ẩm nước, tay phải hơi giang ra và bàn tay còn nắm lơ một phần cán rựa, chân hướng về phía chúng tôi. Tôi cảm thấy như có một luồng khí lạnh từ nỗi sợ len lỏi vào dọc xương sống, còn Chí thì mặt mày tái nhợt hẳn ra, cùng ngược nhìn lên tên Bốn đang đứng trên cầu, cách chúng tôi khoảng hơn 4 mét theo đường huyền hình tam giác. Có lẽ thấy chúng tôi ngập ngừng không dám bước tiếp, nó dùng súng quơ quơ ra dẫu bảo chúng tôi đi tiếp đến chỗ anh Vàng. Tôi, dù muốn dù không, là dân tác chiến nên tốc độ lấy lại bình tĩnh chỉ trong mấy giây, bèn đi trước đến sát chân anh Vàng và thấy ngay trên lưng áo của anh đã bị 3 lỗ thủng nằm dọc từ hơi dưới vai trái xuống gần thắt lưng bên phải, giống như 3 trái bi trên bàn bi-da Pháp nằm theo

thế ‘giò gà’ vậy. Tôi bảo Chí đang đứng phía sau:

-“Chí hãy lên phía đầu của anh Vàng rồi cùng nhau lật ngựa anh ra mới khiêng lên trên con lộ được.”

Chí và tôi vừa lật ngựa anh Vàng ra thì đột nhiên anh mở đôi mắt, thấy anh Chí và thều thào kêu lên:

-“Chí ơi!...”.

Có lẽ trước khi chết, anh đã cố gom hết sức lực để nói lên điều gì đó nhưng chỉ được hai từ ngắn ngủi này, cho nên, dù là thều thào nhưng có lẽ cũng đủ cho 2 tên vệ binh trên cầu nghe, hay có lẽ chúng đã thấy đôi môi anh mấp máy và ngỡ anh vẫn còn sống, muốn nói gì đó, nên tên Bốn hét lớn:

-“Hai anh tránh xa ra!”.

Tôi giật mình phóng người ngược ra phía sau và té ngựa, còn Chí thì chạy lui rất nhanh. Tôi vừa ngồi dậy và liếc nhìn lên cầu thì một loạt đạn tóe lửa từ súng AK của tên Bốn nhắm vào đầu anh Vàng. Tôi thấy đầu của anh giật giật mấy cái rồi im luôn. Tôi lại đảo mắt nhìn lên cầu lần nữa và thấy tên Bốn, sau khi bắn xong, thản nhiên mang quai súng lên vai cùng tên vệ binh người Bắc song song bước nhanh về hướng cũ. Tôi vẫn ngồi như thế, ngoái nhìn theo cho đến lúc chúng đi khuất sau đám lau sậy mới đứng lên và bước đến gần anh Vàng. Trong loạt súng vừa rồi, có lẽ khoảng 2 hay 3 viên đã trúng làm nát luôn má và miệng của anh, máu chảy lênh láng. Chí thì hình như vẫn chưa hoàn hồn. Tôi bèn bảo Chí:

-“Chí ở lại đây trông chừng để tôi chạy về báo cho anh em trong toán mình biết.”

Chí bỗng nói ngay:

-“Anh ở lại đây để tôi chạy về báo tin cho.” Tôi thấy anh còn sợ nên đành gật đầu.

Chờ cho Chí đi rồi, tôi cẩn thận nhìn quanh khoảng một phút, có lẽ vì sợ tên Bốn bất ngờ quay lại tặng luôn mình một loạt đạn để bịt miệng, rồi nhìn lại anh Vàng thì thấy hai mắt anh vẫn còn mở, bèn đưa tay vuốt mắt anh mà lòng dậy

lên nỗi đau buồn đã mất đi một người bạn tù, một người anh trong quân ngũ.

Chưa đến 10 phút sau, tôi thấy mấy anh xuất hiện từ sau đám lau sậy rồi nhận ra anh Tố, anh Hoàng và anh Hóa cùng Chí đến gần chỗ tôi. Có lẽ dọc đường đến đây, Chí đã có kể lại một phần nào đó cho họ nghe nên khi đến nơi, chúng tôi chỉ cùng nhau nghĩ cách khiêng anh Vàng về. Liên tưởng đến lúc Trại có người bị bệnh không đi được thì đã được khiêng bằng võng đến trạm xá, tôi bèn đề nghị như thế và cùng Hóa chạy đến cây có treo chiếc bị của anh Vàng để lấy chiếc bị có chứa chiếc võng của anh, đồng thời chặt luôn cây này, tia nhánh cho trơn tru dùng làm đòn cáng. Tiếp đến, anh Tố và anh Hoàng khiêng xác anh Vàng bỏ lên võng và chúng tôi cột dây của 2 đầu võng thật chặt vào đòn cáng. Anh Hoàng và anh Tố tình nguyện khiêng anh Vàng trước sau khi giao rựa của họ cho Chí, và tôi cùng Chí sẽ thay phiên khi 2 anh đó đã thấm mệt. Chí bèn giao 2 cây rựa của anh Hoàng và anh Tố giao luôn cho anh Hóa vác. Riêng tôi và Chí thì trên đường về sẽ tạt lại điếm chúng tôi phát quang để lấy bị của mọi người và dao tông của mình.

Anh Hoàng đứng phía đầu đòn cáng, hướng chân của anh Vàng và anh Tố ở cuối cáng, hướng đầu của anh Vàng, tôi và Chí cùng tiếp tay nhắc đòn cáng lên vai họ. Thế là 5 người chúng tôi bắt đầu lên đường. Hình như mỗi người đều đang nặng trĩu nhưng suy nghĩ có lẽ cũng hao hao giống nhau: *‘khi về đến trại thì sẽ phải làm gì đây, nói năng như thế nào đây?’* Riêng tôi, và chắc chắn là Chí nữa, thì còn thêm những lo nghĩ khác vì là những nhân chứng sống cho cái chết của anh Vàng.

Chỉ khoảng mấy phút sau, chúng tôi đã đến điếm chúng tôi đã phát quang, nhưng chẳng còn thấy bóng dáng ai cả. Tôi lên tiếng:

-“Họ đâu cả rồi?”.

Anh Tố buột miệng trả lời:



-“Chắc họ sợ quá sau khi nghe thằng Bôn tuyên bố nên đã chạy về trước rồi.”

Tôi hỏi tiếp:

-“Nó nói sao, Bó?”

-“Tên Võ Vàng đánh vệ binh để cướp súng trốn trại. Ta đã diệt nó rồi.”

Tôi và Chí loanh quanh khoảng 1 phút tìm dao tông và bị nhưng không thấy. Chí nói:

-“Có lẽ anh em đã mang về giùm rồi.”

Cũng chỉ đoán như vậy thôi, chứ ở vùng không có bóng người dân nào thì ai mà lấy mấy thứ đó chứ. Tôi và Chí bước nhanh để theo kịp chiếc võng cồng. Vừa đến ngang anh Tô thì thấy đầu của anh Vàng lắc lư theo bước chân người khiêng lệch ra khỏi võng, bèn vừa đi vừa banh rộng đầu võng để đầu anh lọt vào. Máu trên vùng ngực của anh hầu như đã khô, còn ở má và miệng vẫn còn rỉ, tóc và trán vẫn còn bám cát từ lòng suối khô.

Chúng tôi cứ thế lẳng lẳng bước...và bước, mong sao cho nhanh về đến trại. Ngang qua điểm phát quang của Toán 2, chúng tôi cũng chẳng thấy ai nữa. Chắc họ cũng đã nghe tên Bôn nói gì và đã nhanh chân rời khỏi đó, giống như số anh em còn lại của Toán 1.

Tôi ngược nhìn lên bầu trời, lúc này có lẽ đã hơn 3 giờ chiều, nhưng nắng đã có phần dịu bớt nhờ những đám mây trắng nhỏ từ phía tây bắc lẳng đặng trôi qua, che khuất mặt trời như cố ý ngăn bớt luồng nóng hừng hực đâm thẳng vào thân xác một người đã từng vang bóng một thời, đã tung hoành trên khắp chiến trường phía nam của Quân Đoàn 1 (vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi), nhưng lại phải lìa đời trong tức tưởi. Tôi lại tưởng tượng những đám mây kia là những thân nhân, vợ con và bạn bè, những người đã ngưỡng mộ và thương mến anh, trong những chiếc áo tang, những chiếc khăn xô, đưa tiễn anh lần cuối.

Rồi đầu anh Vàng lại lệch ra khỏi đầu võng, và với

những động tác cũ, tôi lại banh đầu võng, nâng đầu anh lọt vào như cũ. Nhớ lại thì tôi đã dùng động tác này không dưới 3 lần trên đường về đến trại, vì 2 đầu võng thường bị kéo túm lại do sức nặng nhún nhảy từ phần giữa võng. Trước đó, chúng tôi đã cẩn thận dùng phân dây võng còn thừa để buộc 2 chân anh vào một đầu võng, riêng võng ở phần đầu của anh thì không được.

Chúng tôi cứ tiếp tục bước..., bước nhanh, hình như không quan tâm gì đến thời gian và đoạn đường mình đã đi qua. Cho đến khi tôi định lên tiếng đòi thay phiên khiêng cáng thì trước mắt, dây hàng rào bằng ‘rồng’ (cờ cây nhỏ hơn hoặc bằng cổ tay *cao khoảng 3 mét, gài chéo nhau theo hình tổ ong rào quanh trại*) sát con lộ đã hiện ra phía bên trái, cách chúng tôi khoảng 60 mét, nên không lên tiếng nữa.

Chỉ khoảng hơn 5 phút, chúng tôi đã đến cách cổng trại chừng 15 mét thì tên Quản giáo Nhà chúng tôi đã đứng đó từ trước chặn chúng tôi lại và bảo:

–“Các anh bỏ anh Vàng tại đây rồi vào trại đi!”

Nhìn chêngh về phía phải, chúng tôi thấy một toán tù binh, không biết thuộc Khối nào, đang đào cái huyệt cách con lộ khoảng 2 mét. Chúng tôi đoán là huyệt dành cho anh Vàng.

Anh Hoàng và anh Tố nhẹ nhàng đặt xác anh Vàng xuống sát mé phải con lộ và chúng tôi lẳng lặng tiến về cổng trại. Qua cổng trại rồi đi xuyên qua trước mặt Khối 2, tôi thấy nhiều anh em tù, một số đứng trước sân, một số trong Nhà lạng lẽ nhìn chúng tôi, trong ánh mắt họ dường như đang ẩn chứa rất nhiều câu hỏi. Về đến Nhà, tôi thấy đồng dao rựa đã nằm giữa nhà, cạnh cái lỗ hình chữ nhật bề 5 bề 8 tấc, sâu 2 tấc dùng để đốt lá tươi hun khói đuổi muỗi khi đêm đến hoặc đốt củi sưởi ấm vào mùa đông, và những chiếc bị của chúng tôi đã nằm sẵn trên phần sạp ngủ của mỗi người. Cởi bỏ áo quần lao động (*quần áo của lính bộ binh chế độ cũ* được cấp phát cho tù mặc khi lao động), chúng tôi ngã người trên phần sạp của mình nằm nghỉ ngơi cho khô

mồ hôi trước khi xuống suối để tắm và giặt. Riêng anh Chí thì vừa đếm vừa đun hết số dao rựa vào trong bao bố và vác lên trả lại cho nhà kho chứa dụng cụ lao động.

Bầu không khí trong Nhà của cuối ngày lao động hôm đó bao trùm một sự tĩnh lặng hầu như tuyệt đối, giống như đang mặc niệm cho người bạn tù đã vĩnh viễn ra đi, cho một sự mất mát, thiếu vắng từ đây..., chỉ còn những ánh mắt thỉnh thoảng nhìn nhau... Và thời gian cứ nặng nề trôi qua...

Bỗng nhiên, tôi nghe nhiều tiếng nói lao xao gần phía trước cửa nhà, liền nhòem dậy xem thì thấy 3 người, hình như thuộc Khối 2, đang vừa đi ngang qua cửa Nhà chúng tôi vừa nói chuyện.

Tôi vội chạy ra hỏi với theo:

-“Mấy anh có biết họ đã chôn anh Vàng chưa không?”

Một anh trả lời:

-“Vẫn chưa, vì phải đào một cái huyệt khác cách xa con lộ hơn 10 mét. Mấy thằng cán bộ nói cái huyệt đầu tiên nằm sát đường quá.”

Anh Tố đang nằm nghỉ, nghe thế bèn nhòem dậy nói:

-“Như thế thì xui lắm. Ông bà mình tin rằng nếu đào huyệt thứ 2 thì thân nhân của người chết sẽ bị chết thêm một người nữa đó!”

Tôi thì chẳng biết gì về chuyện này. Anh em còn lại trong nhà cũng chỉ đưa mắt nhìn nhau, nửa tin nửa ngờ..., nhưng phần nào cũng có chút lo lắng cho những người trong gia đình anh Vàng.

Rồi, như cái máy chạy theo thời khóa biểu, chúng tôi xuống suối, tắm, giặt. Sau đó, người trực cơm xuống bếp nhận cơm lên chia đều cho anh em trong Nhà. Cũng chỉ là 1 chén cơm và ‘mắm cái’ hầu như thường lệ, nhưng hôm nay dường như có thêm những giọt nước mắt nhỏ xuống từ bên trong, thẳng vào cuống họng mỗi lần nuốt 1 miếng cơm...

Lúc này, màn đêm đang dần phủ trên Trại Tù. Chúng tôi chuẩn bị họp Nhà để bình bầu cá nhân xuất sắc cho ngày

lao động dờ dang hôm nay. Một người mang củi vào nhóm lửa và 1 người nữa mang mấy nhánh cây nhỏ có nhiều lá còn xanh để hun khói đuổi muỗi. Trong ánh lửa lập lòe kèm theo khói, chúng tôi vừa bắt đầu họp thì thấy tên Quân giáo (*người Quảng –tôi không nhớ tên*) bước vào. Nó không ngồi lên sạp như thường lệ mà chỉ nói lớn:

-“Các anh hãy coi chừng! Cái chết của anh Vàng là sự trừng phạt cho những ai muốn trốn trại đó!” rồi bỏ đi. Một chốc sau, chúng tôi lại thấy tên Bốn đi ngang và nhìn vào Nhà chúng tôi liếc ngang liếc dọc, vai vẫn mang khẩu AK-47, nét mặt có vẻ vênh váo như vừa mới lập được một ‘chiến công’ hèn hạ chưa từng thấy. Thật ra thì tất cả anh em cùng Nhà đều mang tâm trạng phập phồng lo sợ... sau sự kiện của anh Vàng. Riêng tôi, và chắc là với Chí ‘nhỏ’, lại càng cảm thấy thấp thỏm hơn, vì là những nhân chứng sau cùng.

Họp xong, tôi đến bên Chí ‘nhỏ’, nói:

-“Ngày mai Chí cắt tôi đi công tác theo nhóm cho bảo đảm đó!” Chí gật đầu, phần nào hiểu được ý của tôi.

Đặc biệt tôi nay, sau khi họp xong, chúng tôi không ra phía trước sân, tùm 2, tùm 3, trao đổi năm điều ba chuyện bằng quơ trước khi vào ngủ, mà một số thì vẫn ngồi trên sạp, một số nằm dài, theo đuổi những suy nghĩ riêng tư của mình.

Rồi một đêm không bình thường nặng nề trôi qua. Sáng hôm sau, Chí lên nhận công tác và vác theo về một bao bố chứa toàn dao tông, và công tác hôm nay là chặt những khúc cây dài từ 4-4, 5 mét, thật thẳng, có ngọn tối thiểu là 1 tấc 3. Thường thì đây là công tác riêng lẻ, tức là mạnh ai nấy lên rừng và lục tìm và chặt rồi vác về, nhưng Chí cũng cẩn thận dặn anh em nên đi theo từng toán 4 hay 5 người để khỏi bị vệ binh len lén đi theo và ‘diệt’ từng người trong chúng tôi như trường hợp của anh Vàng.

Cũng may đến gần trưa thì anh Tố, tôi, Ninh và Cảnh đã chặt xong cây và vác xuống sườn núi, nơi có khoảng trống khá lớn nằm trên con đường nhỏ dẫn về trại và cách trại

khoảng hơn 2 km. Chúng tôi kiếm bóng mát để nghỉ ngơi và ăn trưa. Nhân lúc này anh Tố mới bảo tôi kể lại phần cuối của vụ anh Vàng bị bắn. Và tôi đã nói cho họ nghe.

Đến chiều, khoảng 4 giờ, khi vác cây về đến Nhà, chúng tôi lại thoáng thấy tên Bôn đi từ hướng Khối 2 về Khối 1 và, khi đi ngang Nhà chúng tôi, nó bước chậm lại và liếc nhìn vào. Tôi nghĩ rằng đây là điều không bình thường, dù thỉnh thoảng vẫn có vệ binh đi lòng vòng trước sân các Khối vào gần cuối ngày lao động. Nhà chúng tôi đã cố làm cho bầu không khí trở nên bình thường, nhưng thật ra vẫn không bình thường như cũ được. Mọi người có vẻ thận trọng, dè dặt, ít nói chuyện với nhau hơn. Chỉ mong thời gian sẽ xóa dần nỗi lo sợ cho những gì sẽ xảy ra kế tiếp.

Và điều không bình thường này đã đến ngay vào buổi sáng hôm sau. Khi Chí đi nhận công tác về với chiếc bao bố chứa dao, rựa trên vai. Khuôn mặt anh hơi lộ vẻ lo âu. Anh nói đại khái chỉ tiêu lao động trong ngày, rồi tiếp:

-“Hôm nay tôi và anh X... ở nhà làm công tác khác.”

Mọi người bắt đầu hoang mang, thắc mắc nhìn nhau nhưng chẳng ai buồn lên tiếng, ngay cả tôi, mà chỉ lặng lẽ ăn hết miếng bánh xốp làm bằng bột mì Liên Xô thay cho điêm tâm rồi mài dụng cụ lao động và rời khỏi Nhà.

Chờ cho anh em đi hết, tôi mới kéo Chí ra khỏi nhà để đi phòng anh Cúc nghe được, và chưa kịp hỏi thì Chí đã nói:

-“Một chốc nữa thì tên Quản giáo sẽ đến hướng dẫn chúng ta viết bản tường trình về cái chết của anh Vàng. Hình như người anh của anh Vàng là Trung tá Bộ đội đã đến Tổng trại và yêu cầu điều tra rõ chuyện này. Anh tính thế nào?”

Tôi suy nghĩ một chốc, rồi nói:

-“Viết tường trình vụ này mà do Quản giáo hướng dẫn thì chắc 2 anh em mình sẽ không nói lên được sự thật mình đã chứng kiến đâu. Bây giờ tại mình đều như cá nằm trên thớt. Nó bảo sao thì phải viết vậy thôi.” Như một sự đồng

cảm đã có sẵn, Chí gật đầu.

Chúng tôi vào nhà, nằm dài trên sạp của mình, vừa chờ tên Quản giáo đến, vừa suy nghĩ xem còn có cách ứng phó nào khác nữa không.

Hơn nửa giờ sau, tên Quản giáo bước vào, tay cầm cuộn giấy tập vở và 2 cây bút bi, bảo chúng tôi đến Hội trường và nói:

-“Hai anh hãy tường trình lại đúng y như lời vệ binh đã nói, tức là anh Vàng đã đánh vệ binh, cướp súng để trốn trại nên đã bị vệ binh bắn chết. Viết ngắn gọn thôi rồi ghi tên mình, Khối và Trại và ký tên là xong. Càng nhanh càng tốt”.

Tôi không biết Chí có ý nghĩ gì không. Riêng tôi thì thầm nói: “Anh Vàng, xin anh thứ lỗi và thông cảm cho hoàn cảnh chúng tôi hiện giờ. Nhưng tôi xin hứa với anh là sẽ kể lại toàn bộ chuyện này cho chị Đường nghe sau khi tôi được tha về!”

Chưa tới 10 phút, chúng tôi đã viết xong. Tên Quản giáo cầm từng tờ giấy lên đọc rồi gật đầu, nói:

-“Hai anh về làm vệ sinh quanh Nhà rồi nghỉ ngơi đi!, rồi bước nhanh về phía công trại.

Khoảng 1 giờ sau, chúng tôi đã làm xong công việc được giao phó, rồi Chí thì soạn kim chỉ và chiếc bị của anh, còn tôi thì nằm ngả người trên sạp, mắt nhìn lên trần nhà, nhưng lại không thấy trần nhà mà lại thấy hiện ra 2 hình ảnh của anh Vàng:

-Một anh Vàng với thân thể cường tráng, nở nang, tiềm ẩn một sức lực dồi dào (*anh đã từng được bình bầu xuất sắc trong lao động rất nhiều lần và là người khỏe nhất Nhà*), dáng người tầm thước (*khoảng 1,68 mét*), nước da hơi đen sạm. Điểm đặc biệt là anh có đôi mắt to, màu đen pha một chút màu nâu, đầy vẻ bướng bỉnh. Anh thường ít nói và cũng ít cười nhưng dễ tiếp cận. (*Tôi chỉ thấy anh cười nhiều nhất, bằng mắt nhiều hơn bằng miệng, khi tôi kể mấy chuyện phiếm tôi còn nhớ từ cuốn ‘Truyện cười của Đặng-trần-Huân’*). Còn nghe nói anh cũng có ‘nghe’ (*biết*

võ thuật) nữa. Hình như anh không hút thuốc, nhưng vì có một vài người trong Nhà tập hút thuốc lảo nên anh đã thử. Và trong những lần đầu, khi anh rít xong một hơi thì mặt anh trở nên đỏ đần, mắt mờ màng khiến anh em không nhìn được cười...

-Và một anh Vàng trong tư thế nằm sấp nơi lòng suối khô của vùng Cò Bay, Bồng Miêu với 3 lỗ đạn ở lưng, rồi trong tư thế nằm ngửa với má và miệng banh nát sau loạt đạn thứ hai, với cái đầu lắc lư trên đầu vông... : kết quả từ thủ đoạn đê hèn của một chế độ đầy âm mưu thâm độc...

Hai hình ảnh này cứ luân phiên chợt ảm chợt hiện không ngừng trước mắt tôi như chồng chất thêm trong lòng tôi nỗi xót xa, mắt mắt một người bạn tù đáng kính.

Anh đã nằm xuống nhưng tên Võ Vàng của anh sẽ không bao giờ chết trong lòng chúng tôi. Anh vẫn là Người hùng, một Ngôi sao sáng chói trong Binh Chung Biệt Động Quân, trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Vì hoàn cảnh không cho phép gặp trực tiếp để kể lại cho chị Đường và các cháu nghe, tôi xin ghi lại những dòng này thực hiện lời thâm hứa với anh Vàng sau hơn 38 năm.

Tôi cũng thành thật xin lỗi đã gọi lại những buồn đau của gia đình chị mà có lẽ phần nào đã phôi pha theo thời gian, nhưng đồng thời cũng giúp chị và các cháu luôn giữ vững niềm tự hào đã có một người chồng, người cha kiên hùng, bất khuất...

Tôi cũng cảm ơn anh Tấn đã nhắc tôi ghi lại sự kiện này, và nhờ anh (*Cựu Tr/tá, Tr/Đoàn phó Tr/Đoàn 2/SĐ 3 BB*) tìm cách liên lạc và chuyển giùm, không chỉ cho chị Đường mà còn cho những người có tên đã được đề cập trong bài viết để nhận những phản hồi thông qua anh.

Trung Thu năm 2015

**Xtanker20**



# Ngày Xuân nhớ bạn

Phạm Tín An Ninh

(để tưởng niệm Nguyễn Chánh- người bạn anh hùng của tôi)

Mỗi năm cứ đến ngày Tết là tôi lại nhớ đến Chánh, người bạn “anh hùng” của tôi. Chúng tôi cùng quê Vạn Giã. Làng của Chánh chỉ cách làng tôi một con đường xe lửa. Dư âm tiếng còi tàu rộn rã, thúc giục cả một thời tuổi thơ, khi hai đứa cùng đứng chờ lên tàu ở thềm ga nhỏ để đến trường, vẫn còn vang vọng mãi trong lòng tôi, đặc biệt mỗi khi nhớ đến Chánh. Lúc nhỏ, hai đứa học chung cùng lớp, cùng trường huyện. Nhà nghèo, những ngày nghỉ học, Chánh thường thay cha chăn một đàn vịt cả vài trăm con. Vì vậy Chánh có cái biệt danh “Chánh Vịt” để phân biệt với những thằng cùng tên Chánh khác trong trường. Nhà tôi nằm cạnh một con sông, bên kia là cánh đồng bát ngát, nên suốt những mùa hè Chánh thường thả vịt ở khu này và dựng một cái lều ngay phía trước nhà tôi. Ban ngày tôi theo Chánh để học cách chỉ huy và kiểm tra đàn vịt. Nhưng tôi không tài nào đếm được cả đàn vịt mấy trăm con trong vòng vài phút đồng hồ, như Chánh. Ngày đó tôi rất phục cái tài này của Chánh, nên thường bảo: “*nếu mai này vào lính chắc chắn là mày có tài điều binh khiển tướng hơn tao!*” Tối nào, hai đứa chúng tôi cũng ăn cháo vịt hay trứng vịt luộc, rồi nằm tán gẫu đủ thứ mộng dưới biển trên trời.

Lớn lên, hai đứa rời quê, bỏ lại những cánh đồng, con

sông quê và cả đàn vịt dễ thương, vào thành phố Nha trang theo học. Cuối tuần, rủ nhau đi “cọp” xe lửa, có khi đạp xe đạp hát bài “đường trường xa” về thăm nhà. Rồi khi lớn lên thêm vài tuổi nữa, đời quân ngũ đã làm hai thằng mỗi người mỗi ngả. Chánh ở Vùng 3, còn tôi ở Vùng 2. Mãi đến đầu năm 1974, tôi bất ngờ gặp lại Chánh ở Long Thành, khi hai thằng cùng học một khóa tham mưu.

Gặp nhau, hai thằng cùng kể cho nhau nghe về đời lính của mình. Chánh đã từng là một đại đội trưởng trinh sát có tiếng của Sư Đoàn 18BB, rồi sau đó được chuyển về Tiểu Khu Long Khánh để chỉ huy một tiểu đoàn Địa Phương Quân. Đời binh nghiệp của Chánh quả có nhiều hào quang hơn so với tôi. Vì khi tôi tốt nghiệp khóa sĩ quan Thủ Đức, thì Chánh đang là một trung sĩ, ra trường Đồng Đế trước đó hơn một năm. Vậy mà bây giờ hai thằng học cùng một khóa tham mưu. Bởi hoàn cảnh gia đình, Chánh phải nghỉ học sớm để phụ giúp cha mẹ nuôi một đàn em dại, Sau đó trong đời lính rày đây mai đó, vậy mà Chánh cố gắng tự học và thi đậu tú tài, rồi vào Thủ Đức học khóa sĩ quan. Tôi cũng một thời đánh đấm khắp chiến trường, nhưng so với số huy chương của Chánh, tôi thua xa lắm. Các cấp bậc của Chánh đều được vinh thăng tại mặt trận.

Tết nguyên đán năm ấy nhằm vào giữa khóa học, nhưng vì tình hình chiến tranh nên tất cả khóa sinh phải ở lại trong trường. Nhà Chánh ở Long Khánh, nên anh chạy về nhà mang đủ các món ăn Tết vào ở với tôi. Dù không có gia đình bên cạnh, nhưng chúng tôi đã có một cái Tết khá vui vẻ và đầy đủ hương vị Tết. Kỷ niệm đó tôi không thể nào quên.

Sau ngày 30.4.75 đen tối, tôi “trình diện” để vào tù. Hơn 8 năm khốn cùng từ các trại tù từ Nam ta Bắc, những oan ức tủi hờn và ốm đau bệnh hoạn đã nhiều lúc làm ký ức của tôi mệt mỏi, tri giác gần như tê liệt. Dù vậy, những kỷ niệm tuổi thơ, đời quân ngũ cùng những khuôn mặt bè bạn

thân quen của một thời nhỏ dại và những đồng đội đã cùng vào sinh ra tử đôi lúc bất chợt sống lại mãnh liệt từ tiềm thức. Trong đó có đôi lần tôi bất gặp khuôn mặt của Chánh. Không hiểu bây giờ nó ở đâu? Đã hy sinh ở chiến trường Long Khánh trong những ngày tử thủ kiên hùng dưới tài chỉ huy của Tướng Lê Minh Đảo, hay đã cùng vợ con qua Mỹ mất rồi? Những ý nghĩ đó cùng hình ảnh của Chánh rồi cũng qua đi, cũng dần dần lãng quên trong tôi bởi những tháng năm tù ngục đau đớn mỗi mòn.

Đầu năm 1982, tôi được chuyển trại từ Bắc vào Nam. Ở trại Z-30C Hàm Tân, tôi bất ngờ gặp lại anh Trần Văn Úy, một người bạn lớn tuổi cùng đơn vị với tôi ngày trước. Anh là sĩ quan Quân Y, đã cứu sống tôi một lần tại chiến trường Quảng Đức năm 1966. Từ đó chúng tôi kết nghĩa anh em. Sau này, khi được trở về ngành Y tế, theo đề nghị của tôi, anh đã xin về phục vụ tại quê tôi cho đến ngày mất nước. Gặp lại anh trong sự ngỡ ngàng, khi toán tù của anh đang rào khu nhà để nhốt chúng tôi, từ miền Bắc mới chuyển vào. Lâu nay tôi cứ nghĩ là anh và cả gia đình đang sống ở Mỹ. Vì thời gian đơn vị tôi di tản từ miền Trung, được đưa về Vũng Tàu lập thành một đơn vị mới, tôi gặp anh cùng cả gia đình đang tạm trú trong nhà thờ Vũng Tàu, mà vị cha xứ là người bà con và cũng là đồng hương từ Huế của anh. Anh cho biết là đã chuẩn bị sẵn ghe thuyền để chạy ra Hạm Đội Mỹ. Hơn nữa, tôi rất ngạc nhiên, không hiểu tại sao chỉ là một ông thầy thuốc mà anh phải bị tù đầy thời gian dài như thế?

Anh Úy cho biết là anh vừa được chuyển ra từ khu biệt giam. Anh kể lại chuyện trốn trại Hồ Nai 3 bất thành hơn năm năm trước. Nhóm có bốn người. Một chạy thoát, ba bị bắt. Gồm có Chánh, Trí và anh Úy. Sau khi bị đánh đập dã man đến ngất xỉu mấy lần, mỗi người bị giam riêng trong một chiếc conex. Ban ngày thì nóng như muốn đốt cháy cả thịt da, đến khuya thì lạnh cóng. Sau hai tuần, trong một đêm

mưa tầm tã, Chánh bẻ được còng số 8 (dùng để khóa conex) vượt ngục. Trước khi đi, Chánh tìm cách giải thoát hai người bạn của mình. Nhưng thấy quá khó khăn và nguy hiểm, nên anh Ủy và Trí khuyên Chánh nhanh chóng thoát thân.

Sau hơn một năm ở trại Z-30C, được thả ra, tôi vui mừng trở về sum họp với vợ con đang ở thị trấn Ninh Hòa. Niềm vui chưa trọn, chưa kịp làm quen với mấy đứa con vì lúc tôi vào tù chúng còn rất nhỏ, tôi bị công an gọi trình diện, cho biết là “chính quyền và nhân dân thị trấn này không chấp nhận cho tôi tạm trú”. Tôi được cấp giấy trở lại trại tù. Nằm ở nhà thăm nuôi ba hôm, tôi được cấp một “Giấy Ra Trại” mới, về trình diện công an tỉnh Phú Khánh (tên mới do VC sáp nhập Phú Yên và Khánh Hòa thành một tỉnh). Cuối cùng, tôi được chỉ định về tạm trú tại nơi sanh quán, huyện Vạn Ninh cũ. Nơi ấy, tôi chỉ còn bà cô già góa bụa, sống âm thầm trong ngôi nhà từ đường có mái ngói âm dương của ông bà nội để lại.

Là một thằng tù mới được thả ra, đang thời gian “quản chế”, cha tôi cũng đã bị tra tấn hành hạ đến chết trong một trại tù khác ở Mật khu Đá Bàn từ năm 1976, nên tôi được đám VC địa phương chiếu cố rất tận tình. Mỗi ngày từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, cùng với một số anh em đang đồng cảnh khác, phải đi đắp đê làm thủy lợi, sửa sang lại mấy con hương lộ, làm ruộng cho hợp tác xã. Bảy giờ tối, phải ôm chiếu mền ra ngủ trong trụ sở xã. Bất cứ có cuộc họp nào, từ hội phụ nữ đến nhi đồng, chúng tôi đều phải có mặt sớm, để “nhận tội trước nhân dân”, và được nghe lão bí thư xã hay tên trưởng công an, tất cả đều dốt nát, “lên lớp”. Chính những nỗi khốn cùng tủ nhục đó đã giúp tôi có thêm nhiều can đảm, liều lĩnh tổ chức vội vàng một chuyến vượt biển táo bạo sau đó chưa đầy bốn tháng.

Có một điều quan trọng mà tôi quên nói. Đó là trong tất cả những buổi họp, những lần gọi là “học tập”, và ngay

cả những lúc tôi bị gọi lên trình diện, thì cái tên “Nguyễn Chánh” đều được bọn họ nói đến với vẻ hằn học, căm thù, nhằm để đe dọa tôi. Và không chỉ những người đang bị quản chế như chúng tôi, mà hầu hết đồng bào trong huyện Vạn Ninh và nhiều người ở các huyện lân cận, đều thuộc nằm lòng cái tên Nguyễn Chánh. Bọn Việt Cộng ra sức tuyên truyền nhằm gây cho dân chúng lòng căm thù đối với Chánh bao nhiêu, thì dân chúng lại càng ngưỡng mộ, tôn thờ Chánh bấy nhiêu. Họ âm thầm cầu nguyện cho Chánh. Mỗi lần nhắc đến cái tên của Chánh, trong đôi mắt khổ đau của tất cả bà con lóe lên bao niềm hy vọng.

Sau ngày vượt ngục, Chánh lén lút về lại quê mình. Qui tụ một số anh em họ hàng và bạn bè khí khái ngày xưa (khoảng 30 người). Đình làng Trung Đông, quê của Chánh, nằm khá kín đáo, là nơi làm lễ xuất quân. Mỗi người chỉ tự trang bị một con dao. Tất cả đều cắt máu uống thề trước sự chứng giám của thần linh sông núi.

Nhờ bao nhiêu năm chăn vịt, quen thuộc địa hình và biết rõ tình trạng dân chúng, Chánh điều nghiên khá kỹ lưỡng, bố trí anh em đi dọc theo con mương lớn (đang mùa khô) chạy qua ngay phía sau trụ sở xã Vạn Bình, dẫn ra triền núi. Phía trước là quốc lộ trong giờ đông đảo nông dân đi làm ruộng làm rẫy về. Chánh cải trang thành một nông dân, mang chiếc gùi sau lưng, một thân một mình, từ phía sau đột nhập vào trụ sở xã, trong lúc tất cả đám công an du kích tập trung ra chơi bóng chuyền phía trước theo thói quen mỗi ngày. Chánh lén vào nơi cất vũ khí, sau khi gom hết súng ngắn súng dài bỏ vào gùi, Chánh nắm chặt một khẩu M16 (của ta do địch thu được) với hai băng đạn dài, tiến ra sân bóng, bắn một loạt chi thiên. Tất cả khoảng gần 15 tên, từ công an, du kích quá bất ngờ, thất thần, rã rập tuân theo lệnh Chánh, đứng nghiêm tại chỗ, hai tay để lên đầu. Một số chiến hữu của Chánh đã đợi sẵn, lấy súng từ cái gùi sau

lưng Chánh, bung ra, dùng dây trói chặt tay từng tên địch và cột nối bọn họ với nhau. Chánh lừa bọn chúng đi về hướng bìa rừng. Ở đó một phần lực lượng của Chánh đợi sẵn.

Kể từ chuyển ra quân thành công này, lực lượng của Chánh đã làm cho bọn VC thất điên bát đảo. Ở đâu cũng có quân của Chánh. Nay chỗ này mai chỗ khác. Thoát ẩn thoát hiện. Không còn trong phạm vi của huyện, của tỉnh nữa, mà càng lúc càng lan rộng ra xa. Quân số được kết nạp thêm càng lúc càng đông. Vài đoàn xe của VC bị phục kích, đốt sạch, sau khi tịch thu lương thực vũ khí. Công an, cán bộ bị thủ tiêu liên tục. Sau một đêm, những tên VC ác ôn cùng một lúc “phát hiện” trên vách trước hay sau nhà mình đều có dán một mảnh giấy trắng viết bằng máu: “Phải bỏ việc, nếu không muốn bị mất đầu, vợ con bị giết”. Một tên bí thư huyện ủy trên đường từ Phú Yên vào Nha trang họp, bị lực lượng của Chánh bắt sống cùng với bốn tên hộ vệ ngay trên Đèo Cả. Một tên chủ nhiệm Hợp Tác Xã bị tóm cổ ngay trong phòng họp. Trừ những tên có ý đồ chống đối, số còn lại Chánh không giết một tên nào. Đưa bọn chúng lên núi “giáo dục” một tháng rồi thả về với một bản án sau lưng.

Có lần, lực lượng Chánh treo lá cờ Vàng (VNCH) khá lớn trên một đỉnh núi gần Đèo Cả, hơn một tuần lễ. Bọn VC ở địa phương mất tinh thần. Nhất là đúng vào thời điểm hầu hết thanh niên trong khu vực đều bỏ làng lên núi tìm trầm kỳ, ruộng đồng hoang phế. Một số trong những thanh niên này có gặp và tiếp xúc với lực lượng của Chánh. Có số đi theo Chánh, một số trở về tuyên truyền cho Chánh.

Bọn VC tăng cường cả trung đoàn, mở các cuộc truy lùng. Sau một vài lần đưng độ, lực lượng Chánh có một số hy sinh, số còn lại kịp thời phân tán. Một thời gian, không tìm ra được dấu vết nào nữa, bọn VC lại quay sang đàn áp gia đình Chánh và gia đình những anh em tham gia lực lượng của Chánh. Người em trai út của Chánh, chỉ là một

học sinh lớp 12, bị bắt và tra tấn đến tê liệt cả hai chân. Vài người bạn của Chánh cũng bị bắt. Một số nhà cửa bị chúng tịch thu. Nhưng tất cả những hình thức đàn áp đó vẫn không làm nao núng được ai, mà lực lượng của Chánh ngày càng gia tăng, có lúc lên gần cả trăm người.

Tháng 2 năm 1980, sau một thời gian điều nghiên, Chánh chỉ huy lực lượng tấn công một lớp huấn luyện công an (để chuyên hoạt động đặc biệt tại các Vùng Kinh tế Mới). Khóa học được tổ chức tại một trại tiền trạm của Khu Kinh Tế Mới chuẩn bị thành lập trên vùng núi. Lực lượng của Chánh giết được một số công an, nhưng lần này Chánh không may, bị trọng thương. Được những chiến hữu hết lòng trung thành, chiến đấu, hy sinh để đưa Chánh về vùng núi an toàn.

Sau ngày ra tù, tôi được nghe bà con cho biết là Chánh đã huấn luyện lực lượng và đang điều nghiên để đột kích vào trại tù A-30 ở Phú Yên để giải thoát anh em. Kế hoạch chưa thực hiện thì Chánh đã bị thương nặng.

Riêng tôi, ngày xưa khi còn là linh chiến, đã không đánh giặc hào hùng bằng Chánh, và sau này, khi là một thằng tù, cũng không can đảm, anh hùng như Chánh. Ra tù, được sum họp vợ con khi vết thương trên thân thể và cả trong tâm hồn đang còn mưng mủ, Chỉ còn có khả năng đi tìm một lối thoát tử sinh cho riêng mình. Tôi tổ chức một cuộc vượt biển với vài anh em cùng tù. May mà Ông Trời cũng thương tình cho những người đang ở cuối đường bất hạnh. Chuyến đi tổ chức rất vội vã, thiếu thốn, cuối cùng cũng đến được bến bờ tự do. Đặc biệt trong số những bạn tù cùng đi có anh Trần Văn Úy, người cùng trốn trại năm nào với Nguyễn Chánh, người bạn ấu thơ nghèo khó nhưng rất anh hùng hào kiệt của tôi.

Sau hơn một năm định cư tại Vương quốc Na-Uy, anh Úy được đón vợ con sang đoàn tụ. Vợ chồng tôi có mặt



trong buổi tiệc mừng. Không ngờ trong niềm vui sum họp của người bạn này, tôi lại được tin thật đớn đau về một người bạn khác. Mấy đứa con nhỏ của anh chị Úy kể lại cho chúng tôi nghe một cuộc xử bắn rất man rợ, mà bọn VC ra lệnh cho một số trường học trong địa phương phải đưa học trò đến chứng kiến. Tôi rụng rời tay chân khi được biết trong năm người bị giết hôm ấy có cả bạn tôi: Nguyễn Chánh.

Sau lần bị trọng thương, Chánh được anh em đưa về chiến khu trong núi. Vết thương ở bụng và chân bị nhiễm trùng nặng. Anh em không còn cách nào hơn là tìm mọi cách đưa Chánh về nhà vợ ở tận Bình Dương để được chữa trị. Hy vọng vì ở một nơi rất xa với địa bàn hoạt động, khó bị phát hiện. Trong hai tháng, gia đình vừa tận tình chăm sóc vừa đưa Chánh trốn ở vài nhà người bà con khác nhau. Nhưng khi vết thương sắp lành, Chánh bị công an vây bắt trong sự bất lực và nỗi đau tột cùng của vợ con.

Vào một buổi trưa, sau cơn mưa tầm tã, bọn chúng đưa Chánh cùng bốn chiến sĩ phục quốc khác ra khu rừng Dốc Ké (giữa đường từ Vạn Giã đến Đại Lãnh). Chánh bị bịt mắt và trói vào một gốc cây. Chúng dùng đến mười tên công an bắn một lúc vào tấm thân còn đầy vết thương chưa lành của Chánh, trước sự ngỡ ngác và sợ hãi của đám học trò ngây thơ, bị bắt buộc đến xem.

Chánh đã vị quốc vong thân cùng với bốn chiến hữu. Sau này dân chúng đồn đãi khắp nơi về sự linh thiêng của năm vị anh hùng. Cũng từ ấy, địa danh Dốc Ké được mọi người gọi là Dốc Năm Ông, với sự tôn kính. Họ lập một cái miếu để thờ. Nhang khói quanh năm.

Trong những ngày tháng tha phương, mỗi lần nhìn trong gương thấy mái tóc ngày mỗi bạc thêm, tôi cảm thấy xót xa, hổ thẹn khi nghĩ về Chánh, lòng quặn đau nhớ tới câu thơ quen thuộc của thi sĩ Cao Tần: *“Ta làm gì cho hết nửa đời sau?”*

**Phạm Tín An Ninh**